TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1262/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3661/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Tú Ph, sinh năm 1974;
Địa chỉ: 176/20A đường A, Phường B, Quận D, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Chen Chi F, sinh năm 1968.
Quốc tịch: J (M).
Địa chỉ: Số 22 hẻm 1 lộ E, khóm G, phường L, thành phố H huyện V, M.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/6/2016, bản tự khai ngày 09/8/2016 của nguyên đơn Bà Trần Tú Ph trình bày:

Bà và Ông Chen Chi F kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 4294, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1999. Sau khi kết hôn được một năm thì Ông Chen Chi F bảo lãnh bà sang M chung sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khi đón con gái đầu lòng vào năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên đến

năm 2012 bà đưa con trở về VN sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với Ông Chen Chi F để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Quá trình chung sống, bà và Ông Chen Chi F có một con chung tên Chen Tzu Ch (Trần Tư K), sinh ngày 23/02/2008. Bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không cần Ông Chen Chi F cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Tú Ph khai không có.

Theo bản tự khai ngày 09/8/2016, trẻ Chen Tzu Ch (Trần Tư K) trình bày: Con muốn sống với mẹ vì sống với mẹ thì được đi học, được vui chơi. Hiện nay, con đã học lớp 2/3 trường X, Quận Z, TP Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 982/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền M thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2017, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 5 năm 2017 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2017 đối với Ông Chen Chi F

Ngày 23/12/2016, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1252/CH-BTP về việc thực hiện ủy thác tư pháp theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp Lãnh thổ M thực hiện ủy thác tư pháp đối với Ông Chen Chi F.

Ngày 05/5/2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1444/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp đối với Ông Chen Chi F, theo đó cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ M đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 13/02/2017 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự.

Ngày 01 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 565/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền M thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên tòa xét xử công khai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với Ông Chen Chi F

Ngày 14/6/2018, Bộ Tư pháp đã có công văn số 2020/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp đối với Ông Chen Chi F, theo đó cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ M đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 15/5/2018 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 23/8/2018, nguyên đơn Bà Trần Tú Ph có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc.

Bị đơn Ông Chen Chi F đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Ông Chen Chi F không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Tú Ph được ly hôn với Ông Chen Chi F.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn Ông Chen Chi F có quốc tịch J (M), đang cư trú hợp pháp tại J (M) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét Bà Trần Tú Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Chen Chi F đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph và Ông Chen Chi F theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của Bà Trần Tú Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 4294, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1999 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Tú Ph và Ông Chen Chi F là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Ph khai rằng Ông Chen Chi F bảo lãnh bà sang Đài Loan chung sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khi đón con gái đầu lòng vào năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng

không thể hàn gắn nên đến năm 2012 bà đưa con trở về VN sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng Bà Trần Tú Ph và Ông Chen Chi F mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Chen Chi F là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Chen Tzu Ch (Trần Tư K), sinh ngày 23/02/2008. Bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không cần Ông Chen Chi F cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện trẻ Chen Tzu Ch (Trần Tư K) đang sinh sống cùng bà Ph, tại bản tự khai ngày 09/8/2016 của trẻ Chen Tzu Ch (Trần Tư K) có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ nên giao con chung tên Chen Tzu Ch (Trần Tư K), sinh ngày 23/02/2008 cho Bà Trần Tú Ph tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Ông Chen Chi F đến khi bà Ph có yêu cầu Tòa án giải quyết. .

Tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Tú Ph khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Trần Tú Ph phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Chi phí tố tụng khác: Bà Trần Tú Ph phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Bà Ph đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Tú Ph.

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tú Ph được ly hôn với Ông Chen Chi F.

Giấy chứng nhận kết hôn số 4294, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1999 cho Bà Trần Tú Ph và Ông Chen Chi F không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao con chung tên Chen Tzu Ch (Trần Tư K), sinh ngày 23/02/2008 cho bà Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của Ông Chen Chi F cho đến khi bà Ph có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Chen Chi F có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà Ph có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ông Chen Chi F nếu Ông Chen Chi F lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Tú Ph khai không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Trần Tú Ph phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AE/2011/03042 ngày 04/07/2016 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Tú Ph phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Bà Ph đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Trần Tú Ph nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Chen Chi F thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt